



PHỤ LỤC I

Chứng thư thẩm định giá số 1059/2026/CT-ĐS/MIVC, ngày 31/08/2026 của MIVC)

1. Các căn cứ pháp lý để thẩm định giá:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015; Luật giá số 16/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 19/06/2023 quy định về Thẩm định giá;
- Nghị định số 78/2024/NĐ-CP, ngày 01/7/2024. Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
- Thông tư số 30/2024/TT-BTC, ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính về Quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, phạm vi công việc thẩm định giá, cơ sở giá trị thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá;
- Thông tư số 31/2024/TT-BTC, ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính về Thu thập và phân tích thông tin về tài sản thẩm định giá;
- Thông tư số 32/2024/TT-BTC, ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính về Cách tiếp cận từ thị trường, cách tiếp cận từ chi phí, cách tiếp cận từ thu nhập.
- Thông tư số 141/2025/TT-BTC, ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Thông tin tài sản thẩm định giá:

2.1. Pháp lý tài sản thẩm định giá:

Tên văn bản	Số, ngày	Nội dung	Cơ quan cấp, xác nhận
Quyết định.	Số: 402/QĐ-HQKV20 Ngày: 30/06/2026	Về việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ năm 2026 của Chi cục Hải quan khu vực XX.	Chi cục Hải quan khu vực XX

3. Kết quả thẩm định giá:

Danh mục số I: Tài sản thanh lý

Đvt: Đồng

Stt	Tên tài sản (Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật)	Đvt	Số lượng	Tổ TDG đề nghị	
				Đơn giá	Thành tiền
I	HẢI QUAN CỦA KHẨU QUỐC TẾ HÀ TIÊN				
1	Máy tính trạm 7010 Dell (Tổng cục cấp 2013- GT)	cái	01	50.000	50.000
2	Máy vi tính trạm Dell Vostro 470MT(Mua sam 2014-GT)	cái	01	50.000	50.000
3	Bình lưu điện Santak True Online C6K UPS cho máy chủ (TCHQ cấp 2010)	cái	01	10.000	10.000
4	UPS CHO MÁY CHỦ	cái	01	10.000	10.000
5	Máy vi tính trạm HP		01	50.000	50.000
6	Máy điều hòa Inverter Panasonic 1,5 HP CU/CS S12 RKH-8 (MS năm 2015)	cái	01	200.000	200.000
7	Máy điều hòa Inverter Panasonic 1,5 HP CU/CS S12 RKH-8 (MS năm 2015)	cái	01	200.000	200.000
8	Máy điều hòa Panasonic U 18 SKH -8 -2HP (MS 2016)	cái	01	200.000	200.000
9	Máy điều hòa Inverter Panasonic 1,5 HP CU/CS S12 RKH-8 (MS năm 2015)	cái	01	200.000	200.000
10	Máy điều hòa nhiệt độ Inverter Panasonic (MS 2016)	cái	01	200.000	200.000
11	Máy điều hòa nhiệt độ TCL 1.5 HP (Mua sắm 2013)-HT	cái	01	200.000	200.000
12	Tủ hồ sơ gỗ cấm xe, gỗ thao lao, gỗ xoan đào, KT 1800 x 2000 x 400 (mm) MS năm 2015	cái	01	50.000	50.000
13	Máy điều hòa Panasonic 1.5HP	cái	01	200.000	200.000

14	Tủ hồ sơ kích thước 1,8 x 2,0 x 0,4m (Mua sắm 2015)		01	50.000	50.000
15	Tủ hồ sơ gỗ cầm xe, gỗ thao lao, gỗ xoan đào, KT 1800 x 2000 x 400 (mm) MS năm 2015	cái	01	50.000	50.000
16	Máy điều hòa Panasonic U 18 SKH -8 -2HP (MS 2016)	cái	01	200.000	200.000
17	Máy điều hòa Panasonic 1.5HP	cái	01	200.000	200.000
18	Máy điều hòa Inverter Panasonic 1,5 HP CU/CS S12 RKH-8 (MS năm 2015)	cái	01	200.000	200.000
19	Bàn làm việc lãnh đạo (Mua sắm 2015)	cái	01	40.000	40.000
20	Máy điều hòa Inverter Panasonic 1,5 HP CU/CS S12 RKH-8 (MS năm 2015)	cái	01	200.000	200.000
21	Máy điều hòa Inverter Panasonic 1,5 HP CU/CS S12 RKH-8 (MS năm 2015)	cái	01	200.000	200.000
22	UPS CHO MÁY CHỦ	cái	01	10.000	10.000
23	Máy điều hòa Panasonic 1.5HP	cái	01	200.000	200.000
24	Hệ thống chống sét	cái	01	200.000	200.000
25	Máy điều hòa Panasonic U 18 SKH -8 -2HP (MS 2016)	cái	01	200.000	200.000
26	Xe mô tô Jupiter - BKS: 68B1-2297	chiếc	01	3.000.000	3.000.000
27	Xe mô tô Jupiter - BKS: 68B1-2253	chiếc	01	3.000.000	3.000.000
28	Xe mô tô, gắn máy Jupiter Gavita FI đĩa (Đc từ HT-HC) 2014	chiếc	01	3.000.000	3.000.000
29	Xe mô tô Jupiter-BKS: 68B1-2265	chiếc	01	3.000.000	3.000.000
II HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG MỸ THO					
30	Máy điều hòa không khí LG 2 cục 2,5CV	cái	01	200.000	200.000
31	Máy tính để bàn nghiệp vụ: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor	cái	01	50.000	50.000
III HẢI QUAN RẠCH GIÁ					
32	Máy tính xách tay HP Probook 640 G1 Notebook PC-TC cấp 2016	cái	01	100.000	100.000
33	Máy vi tính trạm HP Pro DesK 600 G1 (TC cấp 2016)	cái	01	50.000	50.000
34	Máy vi tính trạm HP Pro DesK 600 G1 (TC cấp 2016)		01	50.000	50.000
35	may vi tinh chuyen dung muc 1 Dell SH-9400SU	cái	01	50.000	50.000
36	Máy tính bảng Ipad Wi +Fi + Cellular 32GB -Gold	cái	01	50.000	50.000
37	Máy vi tính chuyên dụng loại 2	cái	01	50.000	50.000
38	Máy vi tính chuyên dụng loại 2		01	50.000	50.000
39	Phần mềm WinSvrStd 2012 SNGL OLP NL 2Proc (TCHQ cấp 2013)	cái	01	0	0
40	Phần mềm WinSvrStd 2012 SNGL OLP NL 2Proc (TCHQ cấp 2013)	cái	01	0	0
41	Phần mềm Windows Server Standard 2008R2 (TCHQ cấp 2011) TH	cái	01	0	0
42	Phần mềm Windows Svr 2003	cái	01	0	0
43	Phần mềm Windows Server Standard 2012 (TCHQ cấp 2014) TH	cái	01	0	0
44	Phần mềm Windows Server Standard 2012 (TCHQ cấp 2014) TH	cái	01	0	0
45	Phần mềm Windows Server Standard 2008R2 (TCHQ cấp 2011) TH	cái	01	0	0
46	Phần mềm Symantec backup Exec 2010 (TCHQ cấp 2011) TH	cái	01	0	0
47	Phần mềm Windows Server Standard 2012 (TCHQ cấp 2014)	cái	01	0	0
48	Phần mềm diệt Virrus	cái	01	0	0
49	Phần mềm WinSvrStd 2012 SNGL OLP NL 2Proc (TCHQ cấp 2013)	cái	01	0	0
50	Gói Renew License Firewall Checkpoint cho các cục Hải quan không có TTDL (24 Thiết bị SG4207 thời hạn 1 năm, backdate từ 15/3/2016): Standard Collaborative Enterprise Support for Hardware	cái	01	0	0

51	Lập trình quản lý công thông tin, thiết kế giao diện công	cái	01	0	0
IV	HẢI QUAN CỬA KHẨU QUỐC TẾ THƯỜNG PHƯỚC				
52	Máy photocopy Ricoh AFMP 2000L2	cái	01	200.000	200.000
53	Máy photocopy Canon IR2022N	cái	01	200.000	200.000
54	Máy tính chủ IBM (Loại 6) 3650 M3, số sê ri: KD99ZV7	cái	01	50.000	50.000
55	Máy tính xách tay Dell Latitude E6330, số sê ri: 7CP9CW1	cái	01	100.000	100.000
56	Máy tính trạm HP Prodesk 600 G1, số sê ri: SGH541RDMW; màn hình hiệu HP Prodisplay P19A, số sê ri CNK5360817	cái	01	50.000	50.000
57	Máy tính trạm HP Prodesk 600 G1, số sê ri: SGH541RF72; màn hình hiệu HP Prodisplay P19A, số sê ri CNK5360888	cái	01	50.000	50.000
58	Máy tính trạm hiệu Dell Optiplex 3050, số sê ri: 5NT2GL2; màn hình hiệu Dell E2216HV, số sê ri CN-064CDC-FCC00-781-D79U-A00	cái	01	50.000	50.000
59	Máy tính trạm hiệu Dell Optiplex 3050, số sê ri: 5KJZFL2; màn hình hiệu Dell E2216HV, số sê ri CN-064CDC-FCC00-781-D74U-A00	cái	01	50.000	50.000
60	Máy tính trạm hiệu Dell Optiplex 3050, số sê ri: 5TVVFL2; màn hình hiệu Dell E2216HV, số sê ri CN-064CDC-FCC00-781-D1TU-A00	cái	01	50.000	50.000
61	Máy tính trạm Dell Optiplex 3020 MT, số sê ri: DDXDR42; màn hình hiệu Dell E1715S, số sê ri CN-05YJ8T-64180-522-088U	cái	01	50.000	50.000
62	Máy tính trạm Dell Optiplex 3020 MT, số sê ri: 1D0JH32; màn hình hiệu Dell E1715S, số sê ri CN-XJ8T-64180-522-08QU	cái	01	50.000	50.000
63	Máy tính trạm hiệu HP 280 G2 Microtower, số sê ri: SGH708RJV3; màn hình hiệu HP V223, số sê ri 3CQ6331GS4	cái	01	50.000	50.000
64	Máy tính trạm hiệu HP 280 G2 Microtower, số sê ri: SGH708RJQ8; màn hình hiệu HP V223, số sê ri 3CQ6331GRV	cái	01	50.000	50.000
65	Máy tính trạm hiệu HP 280 G2 Microtower, số sê ri: SGH708RJRF; màn hình hiệu HP V223, số sê ri 3CQ6331H43	cái	01	50.000	50.000
66	Máy tính trạm Dell Optiplex 3050, số sê ri: 5SBYFL2; màn hình hiệu Dell E1916HV, sê ri CN-0779TP-FCC00-77B-DL8I-A80	cái	01	50.000	50.000
67	Máy tính trạm HP Prodesk 600 G2, sê ri: SGH638R164; màn hình hiệu HP Prodisplay P19A, sê ri CNK6340MK8	cái	01	50.000	50.000
68	Máy tính trạm HP Prodesk 600 G1, số sê ri: SGH541RF22; màn hình hiệu HP Prodisplay P19A, sê ri CNK53608N9	cái	01	50.000	50.000
69	Máy in HP Laser Jet Pro 400 M401d, số sê ri: VNC4121656	cái	01	30.000	30.000
70	Máy in HP Laser Jet Pro 400 M401d, số sê ri: VNC5Y03231	cái	01	30.000	30.000
71	Máy in HP Laser Jet Pro 400 M401d, số sê ri: PHKCC07078	cái	01	30.000	30.000
72	Tivi Sony 55 inch - KDL55W800C, số sê ri: 3431532	cái	01	100.000	100.000
73	Máy vi tính để bàn chuyên dùng hiệu Dell Vostro 3670MT; số sê ri 4BPCBW2; màn hình hiệu Dell E2216HV, số sê ri CN-OXTW00-FCC00-94G-AN8U-A05	cái	01	50.000	50.000
74	Máy vi tính để bàn chuyên dùng hiệu Dell Vostro 3670MT; số sê ri 49LBBW2; màn hình hiệu Dell	cái	01	50.000	50.000

	E2216HV, số sê ri CN-OXTW00-FCC00-03K-AEKU-A08				
75	Máy vi tính xách tay hiệu Dell Latitude 3490, số sê ri 2CH8YQ2	cái	01	100.000	100.000
76	Máy vi tính trạm hiệu HP 280 G4 MT, số sê ri 8CG8311RQ2; màn hình hiệu HP V223, số sê ri 3CQ81738YW	cái	01	50.000	50.000
77	Máy in HP Laser Jet Pro 400 M401d, số sê ri: VNC4F21408	cái	01	30.000	30.000
V	HẢI QUAN CỬA KHẨU QUỐC TẾ DINH BÀ				
78	Bộ máy tính hiệu Dell E2216HV	cái	01	50.000	50.000
79	Bộ máy tính hiệu HP Prodisplay P19A	cái	01	20.000	20.000
80	Bộ máy tính hiệu HP Prodisplay P19A	cái	01	20.000	20.000
81	Bộ máy tính hiệu HP Prodisplay P19A	cái	01	10.000	10.000
82	Bộ máy tính để bàn chuyên dùng hiệu Dell Vostro 3670MT.	cái	01	50.000	50.000
83	Bộ máy tính trạm Dell Optiplex 3050, số sê ri: 5TK3GL2; màn hình hiệu Dell E1916HV (Thông Bình).	cái	01	50.000	50.000
84	Bộ máy tính trạm hiệu HP 280 G2 Microtower, số sê ri: SGH708RJV7; màn hình hiệu HP V223 (Thông Bình).	cái	01	50.000	50.000
85	Bộ máy tính trạm hiệu HP 280 G2 Microtower, số sê ri: SGH708RJR5; màn hình hiệu HP V223 (Thông Bình).	cái	01	50.000	50.000
86	Máy vi tính xách tay hiệu Dell Latitude 3490, số sê ri BY2KCQ2	cái	01	50.000	50.000
87	Bộ bàn ghế phòng họp Hòa Phát SCT 5022 (01 bàn và 20 ghế da chân quỳ)	cái	01	10.000	10.000
88	Hệ thống camera quan sát tại trụ sở Chi cục HQCK Dinh Bà (Gồm 01 đầu ghi HIKVISION IP 4 kênh DS-7604NI-E1; 04 camera HIKVISION IP 4MP HK-IP6T42WD-I8 và phụ kiện lắp đặt kèm theo)	bộ	01	10.000	10.000
89	Bộ thiết bị khám xét khe hẹp MEDIT INC, số sê ri: V13010132 -I023111	cái	01	10.000	10.000
90	Bộ thiết bị khám xét khe hẹp MEDIT INC, số sê ri: V13010168-I023147	cái	01	10.000	10.000
VI	HẢI QUAN CỬA KHẨU QUỐC TẾ PHÚ QUỐC				
91	Ông nhòm đêm KONUSPY 7	cái	01	10.000	10.000
92	Hệ thống chống sét lan truyền	cái	01	200.000	200.000
VII	HAI QUAN CỬA KHẨU VĨNH HỘI ĐÔNG				
93	Máy ảnh canon 800D (7/2018)-VHD	cái	01	30.000	30.000
94	Máy nước nóng năng lượng Hafen , vỏ Inox 500 lít (Bắc Đai)	cái	01	300.000	300.000
95	Bộ thiết bị khám xét khe hẹp Medit	cái	01	10.000	10.000
VIII	HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG ĐỒNG THÁP				
96	Phần mềm Windows Svr Std 2008R2 SNGL OPL NL	cái	01	0	0
97	Phần mềm Windows Svr Std 2008R2 SNGL OPL NL	cái	01	0	0
98	Phần mềm Windows Svr Std 2008R2 SNGL OPL NL	cái	01	0	0
99	Phần mềm hệ thống Windows Srv Std 2008R2 SNGL OLP NL	cái	01	0	0
100	Máy tính trạm HP Prodesk 600G2, số sê ri: SGH642PCGC; màn hình hiệu HP Prodisplay P222VA	cái	01	50.000	50.000
IX	ĐỘI KIỂM SOÁT HẢI QUAN				
101	Bè dề canô, kích thước 6x9m, hệ khung kèo bằng thép mạ kẽm, mái lợp tôn, có khung lưới B40 bảo vệ	chiếc	01	8.000.000	8.000.000
102	Tắc ráng nhựa composite đã qua sử dụng (11,9m x 1,6m x 0,8m) gắn máy nổ đã qua sử dụng có số máy là 5S-7293389	chiếc	01	10.000.000	10.000.000
103	Đèn chiếu xa	cái	01	10.000	10.000

104	Ông nhôm đèn hiệu Newcon NVS7	cái	01	10.000	10.000
105	Máy quay camera hồng ngoại ban đêm	cái	01	10.000	10.000
106	Máy tính để bàn nghiệp vụ: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor +Dell E2216HV 21.5" + UPS (ĐKS-2017)	cái	01	50.000	50.000
107	Máy scan Panasonic KV-1026C (NV3) 2021	cái	01	30.000	30.000
108	CPU Máy tính trạm HP 280 G2 Mcirotower, số sê ri: SGH708RJQR	cái	01	30.000	30.000
109	Màn hình Máy tính trạm DELL Optiplex 3020	cái	01	20.000	20.000
110	Xe mô tô Jupiter Gavita - BKS: 68B1-020.06	chiếc	01	3.000.000	3.000.000
111	Xe mô tô Future(Ms 2016) - BKS: 68B1-020.90	chiếc	01	3.000.000	3.000.000
112	Máy điều hòa nhiệt độ Inverter Panasonic 1,5HP	cái	01	200.000	200.000
113	Máy điều hòa nhiệt độ Inverter Panasonic 1,5HP	cái	01	200.000	200.000
114	Máy điều hòa Panasonic 1,5HP	cái	01	200.000	200.000
115	Máy quét tài liệu Fujitsu ScanPartner SP 25	cái	01	30.000	30.000
116	Máy điều hòa nhiệt độ Inverter Panasonic 1,5HP CU/CS S12RKH-8	cái	01	200.000	200.000
117	Bộ lưu điện Santak C2KVA	cái	01	10.000	10.000
118	Tủ Rack 27U - ĐKS	cái	01	10.000	10.000
119	Tivi Samsung Smart 4K 50inch UA50	cái	01	100.000	100.000
120	Tivi hiệu SONY 40 Inch	cái	01	80.000	80.000
121	Kết sắt Truly TLG-85 (mua sắm 2016)	cái	01	200.000	200.000
122	Máy tính chuyên dụng loại 2	cái	01	50.000	50.000
123	Tủ đựng, vũ khí, công cụ hỗ trợ	cái	01	100.000	100.000
124	Xe mô tô Future(Ms 2015) - BKS: 68B1-020.60	cái	01	3.000.000	3.000.000
125	Xe mô tô Yamaha Jupiter -31C5 máy trắng-đen, (BKS: 68M1-000.03)	chiếc	01	3.000.000	3.000.000
126	Tủ hồ sơ, kích thước: 1800 x 2000 x 400 mm	cái	01	50.000	50.000
127	Tủ hồ sơ, kích thước: 1800 x 2000 x 400 mm	cái	01	50.000	50.000
128	Máy điều hòa Panasonic 1,5HP	cái	01	200.000	200.000
129	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1,5HP (mua sắm 2014)	cái	01	200.000	200.000
130	Máy điều hòa Panasonic 1,5HP	chiếc	01	200.000	200.000
131	Máy điều hòa Panasonic 1,5HP	chiếc	01	200.000	200.000
132	Tivi hiệu SONY 40 Inch	cái	01	80.000	80.000
133	Máy tính chuyên dụng loại 2	cái	01	50.000	50.000
134	Ông nhôm đèn KONUSPY 7	cái	01	10.000	10.000
X	HẢI QUAN CK QUỐC TẾ VĨNH XƯƠNG				
135	Máy điều hòa Sumikura 2 cục 1.5HP loại treo tường (2015)	cái	01	200.000	200.000
136	Máy điều hòa Sumikura 2 cục 2.5HP treo tường (2015)	cái	01	200.000	200.000
137	Switch loại IV - Cisco Catalyst 2950T (TH)	cái	01	10.000	10.000
138	Hệ thống điện thoại (Tổng đài IP + 64 máy điện thoại 12 phím bấm kèm nút điều chỉnh) VX-2015	cái	01	600.000	600.000
XI	HẢI QUAN CỬA KHẨU KHÁNH BÌNH				
139	Nhà phao để canoe (KB)	cái	01	8.000.000	8.000.000
140	Bể chứa nước (ĐD)	cái	01	0	0
141	Máy tính để bàn nghiệp vụ: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor +Dell E2216HV 21.5" + UPS (KB-2017)	cái	01	50.000	50.000
142	Máy tính để bàn nghiệp vụ: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor +Dell E2216HV 21.5" + UPS (KB-2017)	cái	01	50.000	50.000

ÔNG
Ổ P
M Đ
VẮP
ÊN
GIÁ

143	Máy tính để bàn nghiệp vụ: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor +Dell E2216HV 21.5" + UPS (KB-2017)	cái	01	50.000	50.000
144	Máy trạm nghiệp vụ HP ProDesk 600 G2 +P222VA TCHQ cấp 2016	cái	01	50.000	50.000
145	Máy trạm: HP ProDesk 600 G1 SFF (2016)	cái	01	30.000	30.000
146	Máy trạm: HP ProDesk 600 G1 SFF (2016)	cái	01	20.000	20.000
XII	HÀI QUAN CỬA KHẨU QT TỈNH BIÊN				
147	Máy trạm HP Prodesk 600G1 SFF (2016)	cái	01	50.000	50.000
148	Máy trạm HP Prodesk 600G1 SFF (Trọng)	cái	01	50.000	50.000
149	Máy tính để bàn nghiệp vụ: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor +Dell E2216HV 21.5" + UPS (TB-2017)	cái	01	50.000	50.000
150	Máy tính để bàn văn phòng: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor + Dell E1916HV 18.5" + UPS (TB-2017)	cái	01	50.000	50.000
151	Máy điều hoà Toshiba Inverter 1.5Hp H12G2KVC (2015)	cái	01	200.000	200.000
XIII	HÀI QUAN ĐKS CHUYÊN VỀ VĂN PHÒNG				
152	Máy photocopy Richo Afico MP 2000L2	cái	01	300.000	300.000
153	Bàn phòng họp (gỗ căm xe)	cái	01	200.000	200.000
154	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS - PU12TKH-8; số sê ri: 3765430515	cái	01	200.000	200.000
155	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS PU12TKH-8, số sê ri: 3765431483	cái	01	200.000	200.000
156	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964400862	bộ	01	200.000	200.000
157	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964402598	cái	01	200.000	200.000
158	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964402601	cái	01	200.000	200.000
159	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964405854	cái	01	200.000	200.000
160	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964405887	cái	01	200.000	200.000
161	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS - PU18TKH-8; số sê ri: 3765500407	cái	01	200.000	200.000
162	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS S18RKH-8, số sê ri: 6941005824	cái	01	200.000	200.000
163	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS S18RKH-8, số sê ri: 6941006558	cái	01	200.000	200.000
164	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS U18SKH-8, số sê ri: 6971704869	cái	01	200.000	200.000
165	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS U18TKH-8, số sê ri: 6983601686	cái	01	200.000	200.000
166	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-U18SKH-8, số sê ri: 6971704555	cái	01	200.000	200.000
167	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-U18SKH-8, số sê ri: 6971704788	cái	01	200.000	200.000
168	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-U18SKH-8, số sê ri: 6971704795	cái	01	200.000	200.000
169	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-U18TKH-8, số sê ri: 6983600245	cái	01	200.000	200.000
170	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-U18TKH-8, số sê ri: 6983601105	cái	01	200.000	200.000
171	Máy lạnh Panasonic CU/CS PC18QKH, số sê ri: 6802106004	cái	01	200.000	200.000
172	Máy lạnh Panasonic CU/CS PC18QKH, số sê ri: 6802106007	cái	01	200.000	200.000
XIV	VĂN PHÒNG CHI CỤC				

173	Máy in HP Laser Jet P2055d, số sê ri: CNCJB80154	cái	01	150.000	150.000
174	Máy in HP laser Pro 400-M401d, số sê ri : PHKCC07108	cái	01	150.000	150.000
175	Máy Scan Canon DR-4010c, số sêri: DW403335	cái	01	100.000	100.000
176	Đầu Ariang Smart K+	cái	01	30.000	30.000
177	Hệ thống camera quan sát (gồm 01 đầu ghi 16 kênh HK VISION DS-7216HQHI-K2, 04 camera HK VISION DS-2CE56D0T-IRM, 05 camera HK VISION DS-2CE16D0T-IRP)	bộ	01	20.000	200.000
178	Màn hình máy chiếu Dalite QM76	cái	01	50.000	50.000
179	Máy chiếu Panasonic PT-LB90NTEA	cái	01	100.000	100.000
180	Máy chiếu Panasonic PT-L735E, số sê ri: SG3540176	cái	01	100.000	100.000
181	Máy phát điện Deutz BF6M1013EC	cái	01	500.000	500.000
182	Máy quay phim Panasonic SDR-H280, số sê ri: D8SA10596	cái	01	150.000	150.000
183	Máy quay phim Sony HDR-PJ675, số sê ri: 3744168	cái	01	150.000	150.000
184	Hệ thống báo cháy tự động (lưu trữ)	bộ	01	100.000	100.000
185	Mô tơ chữa cháy 10HP CM40-200A (dây nhà làm việc)	cái	01	100.000	100.000
186	Mô tơ chữa cháy 10HP CM40-200A (dây nhà làm việc, nhà khách, nhà công vụ)	cái	01	100.000	100.000
187	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-C18HKH, số sê ri: 7805913742 Nhà ăn	cái	01	200.000	200.000
188	Máy lạnh 2HP CU/CS-C18HKH_Nhà nghỉ trực ca	cái	01	200.000	200.000
189	Máy lạnh 2HP CU/CS-PC18KKF, số sê ri: 7781235355 Nhà nghỉ trực ca	cái	01	200.000	200.000
190	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-KC18PKH-8, số sê ri: 3422506337	cái	01	200.000	200.000
191	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-PC18QKH (Hội trường) Công trình	cái	01	100.000	100.000
192	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-PC18QKH (Hội trường) Công trình	cái	01	100.000	100.000
193	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-PC18QKH (Phòng làm việc) Công trình	cái	01	200.000	200.000
194	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-PC18QKH (Phòng làm việc) Công trình	cái	01	200.000	200.000
195	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-S18NKH_Nhà ăn	cái	01	200.000	200.000
196	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-PC18HKF, số sê ri: 7727062904 Nhà ăn Chi cục	cái	01	200.000	200.000
197	Máy lạnh Toshiba 2HP 18SKPX, số sê ri: 03000083, sê ri cục nóng 03000167 Nhà nghỉ trực ca	cái	01	200.000	200.000
198	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-KC18PKH-8, số sê ri cục nóng 6867906329, sê ri cục lạnh 3422506263	cái	01	200.000	200.000
199	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS S8NKH	cái	01	200.000	200.000
200	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964401432	cái	01	200.000	200.000
201	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS KC18PHK-8, số sê ri: 6867906195	cái	01	200.000	200.000
202	Máy lạnh Panasonic 1,5 HP CU/CS-TS12PKH-8, số sê ri: 6898817372	cái	01	200.000	200.000
203	Máy lạnh Panasonic 2HP CU/CS-PC18KKF, số sê ri: 7855922725	cái	01	200.000	200.000
204	Máy lạnh Panasonic 1,5 HP CU/CS TS12PKH-8, số sê ri: 6898818337	cái	01	200.000	200.000
205	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964401959	cái	01	200.000	200.000

206	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964405865	cái	01	200.000	200.000
207	Máy lạnh Panasonic 1,5HP CU/CS VU12SKH-8, số sê ri: 6964405851	cái	01	200.000	200.000
208	Máy tính trạm HP Compaq 6300, số sê ri: SGH3J2T3KL; màn hình hiệu HP Compaq LE1711	cái	01	50.000	50.000
209	Máy tính trạm HP Compaq 6300, số sê ri: SGH401TM7L; màn hình hiệu HP Compaq LE1711	cái	01	50.000	50.000
210	Máy tính trạm HP Compaq 6300, số sê ri: SGH352T3LJ; màn hình hiệu HP Compaq LE1711	cái	01	50.000	50.000
211	Máy tính trạm HP Compaq 6300, số sê ri: SGH401TM1R; màn hình hiệu HP Compaq LE1711 3CQ3442H2S	cái	01	50.000	50.000
212	Máy tính trạm Dell Optiplex 3020, số sê ri: 9CHTQ02; màn hình hiệu Dell E2214H CN-0638CF-74261-431-07PM	cái	01	50.000	50.000
213	Máy tính trạm hiệu Dell Optiplex 3020, số sê ri: J69SQ02; màn hình hiệu Dell E2214H - CN-0638CF-74261-431-11CM	cái	01	50.000	50.000
214	Máy tính trạm hiệu Dell Optiplex 3010, số sê ri: BL7WYY1; màn hình hiệu Dell E1713S	cái	01	50.000	50.000
215	Máy tính trạm Dell Optiplex 3020, số sê ri: D49SQ02; màn hình hiệu Dell E2214H, số sê ri CN-0638CF-74261-431-1L4M	cái	01	50.000	50.000
216	Máy tính trạm HP Compaq 6300, số sê ri: SGH401TM1S; màn hình hiệu HP Compaq LE1711, số sê ri 3CQ3442GF9	cái	01	50.000	50.000
217	Máy tính xách tay Sony Vaio S4. VP 11213CXB, số sê ri: C60BZPFB (tài vụ)	cái	01	100.000	100.000
218	Máy tính xách tay Dell Latitude E6330, số sê ri: HVS9CW1	cái	01	100.000	100.000
219	Máy tính xách tay Dell Latitude E6330, số sê ri: D3R9CW1	cái	01	100.000	100.000
220	Máy tính xách tay HP G6-2003TU, số sê ri: 5CD2102M78	cái	01	100.000	100.000
221	Ổng nhôm đêm chuyên dùng hiệu Newcon, Model NVS 7-3/4xAG, số sê ri 0150	cái	01	30.000	30.000
XV	VĂN PHÒNG CỤC HQ AN GIANG (cũ) chuyển về Rạch Giá				
222	Amplify California 968B (VPC-2017)	cái	01	0	0
223	DVD Ariang Smart K (3TB) (VPC-2017)	cái	01	0	0
224	Dù trung sức chứa 400 người (VP)	cái	01	0	0
225	Hệ thống chữa cháy di động kèm máy bơm Honda công suất Cv = 13hp/9Kw (ĐMT-2017)	cái	01	300.000	300.000
226	Máy điều hòa nhiệt độ Toshiba 2 Hp (ĐMT-2017)	cái	01	100.000	100.000
227	Máy điều hoà nhiệt độ Toshiba 2 Hp Inverter (TH)	cái	01	100.000	100.000
228	Máy điều hòa nhiệt độ Toshiba 2 Hp (ĐMT- NCV-2017)	cái	01	100.000	100.000
229	Máy điều hòa Toshiba 1.5HP	cái	01	100.000	100.000
230	Máy hủy giấy Ziba PC-417-CD (VP-LĐC)	cái	01	30.000	30.000
231	Máy in HP Laser jet pro 400 M401DN	cái	01	100.000	100.000
232	Máy scan HP 7000S3 (VPC-2020)	cái	01	100.000	100.000
233	Máy tính để bàn nghiệp vụ: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor +Dell E2216HV 21.5" + UPS (PCL&XLVP 2017)	cái	01	50.000	50.000
234	Máy tính để bàn nghiệp vụ: Dell OptiPlex 3050 Small Form Factor +Dell E2216HV 21.5" + UPS (VPC-NV-TH-2017)	cái	01	50.000	50.000

235	Máy trạm nghiệp vụ HP ProDesk 600 G2 +P222VA TCHQ cấp 2016 (VPC-NV)	cái	01	100.000	100.000
236	Máy vi tính Dell Vostro 3888 (CD loại 2 TCTTr-2020)	cái	01	30.000	30.000
237	Ôn Áp 3pha 100KVA (VPC)	cái	01	0	0
238	Tivi samsung 43 inch (2018)	cái	01	100.000	100.000
239	Tủ lạnh Toshiba W666VDAZ 600L	cái	01	100.000	100.000
240	Tủ Rack (NV-TH)	cái	01	30.000	30.000
241	Ti vi LED Sony 55W800C	cái	01	100.000	100.000
242	Tủ thao lao sơn PU 2.5 x2.7x4.3 (TVQT)	cái	01	100.000	100.000
243	Tủ thao lao sơn PU 2.5 x2.7x4.3 (TVQT)	cái	01	100.000	100.000
244	Bồn nước 10.000 lít nằm ngang Inox SUS 304 - Đại Thành (ĐMT-2017)	cái	01	200.000	200.000
TỔNG CỘNG:			244		73.970.000
Bảng chữ: Bảy mươi ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng					

4. Những điều kiện và hạn chế kèm theo kết quả thẩm định giá:

4.1 Những điều kiện của kết quả thẩm định giá:

- Mức giá trên là giá trị tại thời điểm tháng 08/2026 là một trong những căn cứ để Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định.
- Mức giá trên chưa bao gồm các khoản thuế theo quy định và các chi phí khác (nếu có).
- Các số liệu về tài sản thẩm định giá, tổ thẩm định giá căn cứ vào hồ sơ do khách hàng cung cấp, kiểm tra hiện trạng kiểm tra thực tế theo sự phối hợp và chứng kiến của đại diện Chi cục Hải quan khu vực XX tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá. MIVC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu về hồ sơ do khách hàng cung cấp.
- Giá trị tài sản thẩm định giá nêu trên chỉ xác nhận khi các bên tham gia giao dịch hoàn thành các nghĩa vụ về pháp lý, tài chính đối với Nhà nước cùng các bên liên quan, bao gồm (nhưng không hạn chế): các khoản thuế phải nộp, hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng,...
- Mức giá tài sản sẽ không được xác nhận trong trường hợp tài sản không đầy đủ về cơ sở pháp lý, có thay đổi đặt tính kỹ thuật như: Tính đồng bộ, công suất, chất liệu,...hoặc tính chất kinh tế như: Xuất xứ, hãng sản xuất, mẫu mã, chất lượng,...
- Kết quả thẩm định giá trên chỉ xác nhận giá trị tài sản Tài sản, đã qua sử dụng phục vụ cho mục đích Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định khi Chi cục Hải quan khu vực XX hoàn tất hồ sơ pháp lý, thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Kết quả thẩm định giá nêu trên xác nhận giá trị thị trường của tài sản thẩm định giá tại thời điểm tháng 08/2026 đối với Tài sản, đã qua sử dụng. Giá giao dịch cụ thể có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá thị trường, tùy thuộc vào nhu cầu của người mua tiềm năng, điều kiện mua bán và động thái thị trường tại thời điểm diễn ra giao dịch; mà người mua – người bán sẽ có mức giá giao dịch hợp lý.
- Kết quả thẩm định giá nêu trên chỉ có ý nghĩa tư vấn để khách hàng tham khảo Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định, việc quyết định mức giá sau cùng để Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định là tùy thuộc vào quyền quyết định của cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư cũng như đối tác sử dụng kết quả thẩm định giá.
- Chỉ sử dụng kết quả chứng thư thẩm định giá trong điều kiện Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định. Trong quá trình Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định cần đảm bảo mức giá phù hợp, không được vượt quá giá thị trường tại thời điểm và địa điểm Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định. Mức giá tạm tính nêu trên được tham khảo trong thời hạn còn hiệu lực của Chứng thư kể từ ngày ban hành Chứng thư thẩm định giá. Trong trường hợp có sự thay đổi nhanh về kinh tế, xã hội v.v... thời hạn này có thể ngắn hơn.
- Kết quả thẩm định giá trên chỉ được xác nhận cho mục đích duy nhất được nêu trong hợp đồng dịch vụ thẩm định giá. MIVC không chịu trách nhiệm khi khách hàng sử dụng kết quả thẩm định giá trên cho

những mục đích khác. Trong mọi trường hợp MIVC không có trách nhiệm đối với bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba.

- Kết quả thẩm định giá trên chỉ xác nhận giá trị cho tài sản thẩm định giá có đặc điểm pháp lý, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, số lượng, loại hàng và hiện trạng được mô tả chi tiết như trên, theo yêu cầu thẩm định giá của Chi cục Hải quan khu vực XX tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá.

4.2 Những hạn chế của kết quả thẩm định giá:

- *Hạn chế về pháp lý:*
 - + Thời hạn hiệu lực của chứng thư: 06 (sáu) tháng. Trong điều kiện thương mại bình thường.
 - + MIVC không chịu trách nhiệm kiểm tra thông tin của những bản sao (bản photo) các giấy tờ liên quan đến tính chất pháp lý của tài sản yêu cầu thẩm định giá so với bản gốc.
- *Hạn chế về thị trường:*
 - + Thông tin về giá nêu trên được đề nghị với khách hàng trong điều kiện hạn chế bởi các thông tin mà MIVC thu thập được tại thời điểm thẩm định giá. Trong quá trình Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định cần thực hiện đúng các quy định về giá nhằm đảm bảo tính hiệu quả cao nhất để Làm cơ sở thanh lý tài sản theo quy định hợp lý.
 - + Kết quả thẩm định giá trên chỉ có hiệu lực khi và chỉ khi các bên tham gia Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá hoàn tất các thủ tục về hợp đồng theo luật định. Trong trường hợp có khiếu nại về kết quả thẩm định giá, MIVC chỉ có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn có hiệu lực của Chứng thư thẩm định giá nêu trên.
 - + Các chế độ khuyến mãi, giảm giá hay bất kỳ hoạt động mang tính kỹ thuật, thương mại tương tự nào khác không thuộc trách nhiệm xem xét của MIVC.
 - + Thông tin giá nêu trên được ước tính trên cơ sở thẩm định giá đã nêu. Do đặc thù vùng miền, tập quán, điều kiện giao thông, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội mà mức giá tư vấn có thể cao hơn hoặc thấp hơn các vùng khác.
 - + Mức giá nêu trên chỉ được xác nhận tại thời điểm thẩm định giá, với các chính sách quản lý của Nhà nước hiện tại có liên quan. Trong trường hợp các chính sách của Nhà nước thay đổi có thể làm cho các mức giá nêu trên thay đổi.
 - + Giá Tài sản, đã qua sử dụng có thị trường không ổn định.
 - + MIVC không chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến đặc điểm pháp lý, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, số lượng, loại hàng và hiện trạng tài sản đã nêu. Trong mọi trường hợp, MIVC không có trách nhiệm đối với bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba.
 - + Mức giá tư vấn nêu trên chỉ được xác nhận tại thị trường và thời điểm thẩm định giá.

5. Những cam kết của thẩm định viên về giá:

- Thẩm định viên về giá không có quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, không là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa.

PHỤ LỤC II

GIỚI HẠN CỦA CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Chứng thư thẩm định giá được giới hạn trong những điều kiện sau:

1. Chứng thư này hoàn toàn được bảo mật. Chỉ bản chính và bản sao chứng thư thẩm định giá do MIVC cấp mới có giá trị. Mọi hành vi sử dụng bản sao Chứng thư thẩm định giá mà không có xác nhận của MIVC đều vi phạm pháp luật và không có giá trị.
2. Kết quả định giá chỉ được sử dụng cho một “**Mục đích thẩm định giá**” duy nhất theo yêu cầu thẩm định giá của khách hàng đã được ghi tại Chứng thư thẩm định giá. Khách hàng không được sử dụng sai mục đích thẩm định giá đã yêu cầu. MIVC không chịu trách nhiệm nếu khách hàng sử dụng Chứng thư vào mục đích khác.
3. Thời hạn hiệu lực của kết quả thẩm định giá trong Chứng thư thẩm định giá tính từ ngày phát hành là 06 (Sáu) tháng.
4. Khách hàng yêu cầu thẩm định giá và người hướng dẫn thẩm định hiện trạng tài sản chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với những thông tin liên quan đến đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, tính năng và tính pháp lý của tài sản thẩm định giá đã cung cấp cho MIVC tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá.
5. MIVC **không có trách nhiệm** kiểm tra thông tin của những bản sao (bản photo) các giấy tờ liên quan đến tính chất pháp lý của tài sản thẩm định giá so với bản gốc.

